TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày 05 tháng 9 năm 2025
V/v Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phượng

2. Ông Lê Thanh Tâm

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký viên

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2025/TLST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp dân sự - Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-DS ngày 29/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2025/QĐ-ST ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty cổ phần S1 Có Ngay**

Trụ sở chính: 128 N, phường T (phường B, thành phố V cũ), tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thanh L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số C, đường C, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Theo văn bản ủy quyền số 262/2023/UQ-SVN, ngày 25/10/2023.

- Bị đơn: Ông **Tăng Văn S**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp A, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L và ông S xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***1. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn là chị Trần Thanh L trình bày*:**

Theo giấy Đăng ký kinh doanh, Công ty cổ phần S1 Có Ngay (trước đây là Công ty TNHH S2) (sau đây gọi tắt là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực dịch vụ cầm đồ.

Vào ngày 16/9/2023, ông Tăng Văn S có ký hợp đồng cầm cố tài sản số: CLM190901016 NA15X với Chi nhánh Cao Lãnh của Công ty tại địa chỉ: Số C, Đường C, khóm B, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Có đăng đăng ký Giao dịch đảm bảo trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ. web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/

Theo hợp đồng, ông S cầm cố tài sản là 01 xe máy biển kiểm soát 66F1–490.77; Loại xe HONDA SH MODE; Số khung RLHJF5112FY020705; Số máy: JF51E0236383; Số Giấy chứng nhận đăng ký số 029865 do Công an huyện C cấp ngày 21/07/2015. Số tiền cầm cố ông S được nhận là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 16/9/2019 – 16/9/2020) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí quản lý hồ sơ: 1,9%/tháng. Theo thỏa thuận, Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông S. Do nhu cầu cần xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông S mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 16/9/2019 đến 16/10/2019, ông S có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận". Quá trình trả nợ, ông S thực hiện không đúng nghĩa vụ theo hợp đồng, đến nay đã quá hạn hợp đồng ông S không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết nội dung sau:

Chấm dứt hợp đồng cầm cố tài sản số: CLM190901016 NA15X và hợp đồng mượn xe đề ngày 16/9/2019 giữa Công ty với ông S. Buộc ông S thanh toán cho Công ty T đến ngày 05/9/2025 số tiền là 34.934.560 đồng, trong đó số tiền gốc 16.925.112 đồng, số tiền lãi (trong hạn và tiền lãi quá hạn) là 18.009.448 đồng. Yêu cầu ông S còn phải tiếp tục chịu lãi suất và phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 06/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ông S đã nhận lại xe sử dụng nên Công ty thống nhất đã trả lại tài sản xong. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định và định giá tài sản. Riêng giấy đăng ký xe mô tô, xe máy tên chủ sở hữu ông Tăng Văn S thì Công ty đồng ý trả cho ông S khi thanh toán xong nghĩa vụ.

2. Bị đơn Tăng Văn S có văn bản ý kiến đề ngày 15/8/2025

Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì ông S đồng ý. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên cho đến nay ông S chưa trả số tiền gốc vay và lãi vay cho Công ty cổ phần S1 TIỀN CÓ NGAY như đã thỏa thuận. Nay ông S xin công ty xem xét giảm cho ông S phần tiền lãi vay, ông S xin vắng mặt tại tòa.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm: 01 CCCD T (photo); 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phầS1 (bản sao); 01 Phiếu đăng ký cầm cố xe máy, Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe, Chứng nhận

đăng ký xe mô tô, xe gắn máy (photo), 01 văn bản ý kiến đề ngày 15/8/2025 của ông S.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và thu thập đã được công khai cho bị đơn biết nhưng không ai có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty cổ phần S1 Có Ngay (trước đây là Công ty TNHH S2) yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản; buộc ông Tăng Văn S có trách nhiệm trả số tiền cầm cố còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản"* theo quy định tại Điều 309 và Điều 494 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Tăng Văn S có địa chỉ cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: chị L là đại diện ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S1 Có Ngay và ông S xin vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L và ông Tăng Văn S theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện Công ty yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng mượn xe với ông S; buộc ông S có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền 34.934.560 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là hợp đồng cầm cố CLM190901016 NA15X và giấy mượn xe cùng ngày 16/9/2019.

Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào tài liệu do nguyên đơn cung cấp cụ thể là hợp đồng cầm cố CLM190901016 NA15X đề ngày 16/9/2019 có ghi nhận ông S đồng ý cầm cố 01 chiếc xe nhãn hiệu Honda SH Mode, biển kiểm soát 66F1 – 490.77. Nguyên đơn đồng ý giao cho ông S số tiền cầm cố 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ ngày 16/9/2019 – 16/9/2020) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 16/9/2019 đến ngày 16/9/2020, mục đích cầm cố là sử dụng tiền tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã giao tiền cho ông S theo hình thức chuyển khoản số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) thông qua tài khoản của ông S mở tại Ngân hàng B – chi nhánh Đ1. Ngoài ra, Công ty với ông S cũng ký thỏa thuận mượn lại xe sử dụng vào ngày 16/9/2019, thời hạn mượn xe là 30 ngày.

Sau khi thỏa thuận, Công ty đã giao lại chiếc xe đã cầm cố cho ông S sử dụng theo thỏa thuận. Ông S có nghĩa vụ thanh toán số tiền 2.411.090 vào ngày 16 hàng tháng từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2020. Trong quá trình cầm cố và mượn xe, ông S không thực hiện trả tiền và trả xe theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ. Căn cứ khoản 3 Điều 311 và khoản 3 Điều 496 Bộ luật dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn thì ông S đồng ý. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên cho đến nay ông S chưa trả số tiền gốc vay và lãi vay cho Công ty cổ phần S1 TIỀN CÓ NGAY như đã thỏa thuận. Nay ông S xin công ty xem xét giảm cho ông S phần tiền lãi vay.

Đối với chiếc xe ông S chưa trả theo thỏa thuận nhưng đây cũng là tài sản cầm cố. Nguyên đơn thống nhất đã giao trả lại tài sản cho ông S theo như hợp đồng cầm cố xong, không yêu cầu xem xét thẩm định và định giá tài sản. Xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 309, Khoản 3 Điều 311, Điều 494, Khoản 3 Điều 496 và Điều 468 Bộ luật dân sự; xác định yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Buộc ông S có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 34.934.560 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án thì: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 309, Khoản 3 Điều 311, Điều 494, Khoản 3 Điều 496 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần S1 Có Ngay.

- Chấm dứt hợp đồng cầm cố tài sản số CLM190901016 NA15X, ngày 16/9/2019 giữa Công ty cổ phần S1 Có Ngay (trước đây là Công ty TNHH S2) với ông Tăng Văn S.

- Chấm dứt hợp đồng mượn xe ngày 16/9/2019 giữa Công ty cổ phần S1 Có Ngay (trước đây là Công ty TNHH S2) với ông Tăng Văn S.

- Buộc ông Tăng Văn S có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S1 Có Ngay số tiền 34.934.560 đồng *(ba mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi đồng).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 1,1%/tháng.

- Công ty cổ phần S1 Có Ngay có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 029865, nhãn hiệu HONDA SH MODE, biển kiểm soát biển kiểm soát 66F1 – 490.77, tên chủ xe Tăng Văn Sơn cấp ngày 21/7/2025 khi ông Tăng Văn S thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty cổ phần S1 Có Ngay được nhận lại tiền tạm ứng án phí 1.312.000 (Một triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002522 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Ông Tăng Văn S phải chịu án phí sơ thẩm là 1.747.000 đồng (một triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 9 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: HSVA (Q).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhã Quyên